

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG BẢO KHIẾP

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, ở giữa đại chúng các ngoại đạo, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lần lượt mở bày chánh pháp như vậy, khiến cho năm trăm ngoại đạo xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh, tám ngàn ngoại đạo phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng. Khi ấy, năm trăm đồ chúng ngoại đạo do Bồ-tát Văn-thù hóa ra đều ở trước Bồ-tát, đánh lễ năm vóc sát đất, thưa: “Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà!” Các ngoại đạo khác, những người chưa tin chắc, thấy năm trăm Ma-nạp nói lời như vậy, họ cũng bắt chước đánh lễ năm vóc sát đất và nói: “Nam-mô Phật-đà! Nam-mô Phật-đà!”

Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân đưa hoa Mạn-đà-la cho mọi người và bảo: “Các ông hãy dâng hoa này để cúng dường Đức Phật.”

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và các đại chúng cung kính vây quanh cùng đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, họ đánh lễ ngang chân Phật rồi đứng qua một bên. Khi ấy, các đại chúng cũng đánh lễ ngang chân Phật rồi đứng qua một bên. Lúc đó, đệ tử của ngoại đạo Ni-kiền Tử dâng hoa Mạn-đà-la rải cúng dường Đức Phật, đi nhiều quanh bên phải ba vòng rồi đứng qua một bên. Nhờ năng lực hộ trì của Bồ-tát Văn-thù, các Ma-nạp do Bồ-tát biến hóa đều thưa: “Bạch Thế Tôn! Hôm nay, chúng con đến đây nhưng chẳng vì để gặp Phật. Vì sao? Vì Như Lai là Pháp thân. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì phước đức của chúng Tăng. Vì sao? Vì các Thánh tăng của Như Lai tu pháp vô vi. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì công đức. Vì sao? Vì trong pháp giới không có công đức và những sự khen ngợi. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu đạo. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều là đạo hoàn hảo. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì chứng quả. Vì sao? Vì không có lá, hoa, hay quả nào gọi là giải thoát. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì biết khổ. Vì sao? Vì xa lìa hai hành được gọi là giải thoát. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì đoạn trừ tập. Vì sao? Vì các pháp hoàn toàn không hòa hợp. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì chứng đắc diệt. Vì sao? Vì tất cả các pháp rốt ráo đều là diệt. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu đạo. Vì sao? Vì xa lìa có, không. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng tu niệm xứ. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều xa lìa xứ và chẳng phải xứ. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu chánh tinh tấn. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều xa lìa thiện, ác và vô úy. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu các như ý túc. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều chẳng có đến, đi. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu các căn. Vì sao? Vì tất cả các căn đều là nghĩa xa lìa. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu các lực. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có lực và chẳng phải lực. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu các giác chi. Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa không có mặt của giác. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu chánh đạo. Vì sao? Vì không có sự đi đến cùng tận biên giới của thế gian. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu định. Vì sao? Vì trong định luôn luôn tịch tĩnh không khuấy động. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tu tuệ. Vì sao? Vì tuệ xuất thế gian không còn gì xen tạp. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì ba minh. Vì sao? Vì minh ấy đều rốt ráo là không. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì pháp giải thoát. Vì sao? Vì bản tánh các pháp là không trói buộc. Bạch Thế Tôn! Chúng

con chẳng vì làm Sa-môn. Vì sao? Vì xa lìa các phiền não được gọi là Sa-môn. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì làm Bà-la-môn. Vì sao? Vì đoạn trừ các hình sắc được gọi là Bà-la-môn. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì làm Tỳ-kheo. Vì sao? Vì tánh các pháp không hư hoại. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì đạt bờ bên kia. Vì sao? Vì sáu nhập luôn luôn tịch diệt. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì ít ham muốn. Vì sao? Vì cho đến một chút ham muốn cũng không có. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì biết đủ. Vì sao? Vì pháp không nắm giữ. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì tịch tĩnh. Vì sao? Vì thân tâm không lầm lỗi. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì bạn bè. Vì sao? Vì không ở chung với ba cõi. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng gần gũi bạn bè. Vì sao? Vì không thấy có hai. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì A-lan-nhã (nơi tịch mịch vắng vẻ). Vì sao? Vì các hành trong ba cõi đều là A-lan-nhã. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng tu pháp không tranh cãi. Vì sao? Vì chỉ một mình không bạn bè mới gọi là không tranh cãi. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì khát thực. Vì sao? Vì chúng con đã hoàn toàn đoạn trừ tướng thực. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng sợ tất cả các hành trong sinh tử. Vì sao? Vì không chấp vào sự thật. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng sợ hãi tránh né tham, sân, si. Vì sao? Vì không có các vọng tưởng phân biệt. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng siêng năng đoạn trừ kết sử. Vì sao? Vì tánh của tất cả các phiền não đều Như như, không nhiễm ô. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng ra khỏi kiến chấp về ngã. Vì sao? Vì tự thân là chẳng phải thân. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng làm thanh tịnh các tri kiến. Vì sao? Vì tánh các phiền não đều Như Như. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng đoạn trừ các điên đảo. Vì sao? Vì tánh của thường, lạc, ngã, tịnh là giải thoát. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vượt qua các dòng sinh tử. Vì sao? Vì không thấy có bờ bên này và bờ bên kia. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng đoạn trừ năm triền cái. Vì sao? Vì triền cái và giải thoát đều thông suốt. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng ra khỏi các trói buộc. Vì sao? Vì tận cùng pháp chân thật không hề có tướng trói buộc. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì đoạn trừ sự hối hận. Vì sao? Vì không hối hận về chân đế gọi là Sa-môn. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng lìa bỏ nghi ngờ. Vì sao? Vì luôn luôn có lòng tin vào pháp giải thoát thanh tịnh. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng nhỏ mũi tên ái dục lên. Vì sao? Vì niềm tin vào giải thoát đã thông suốt. Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng vì Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều là Niết-bàn hoàn hảo....”

Khi các Ni-kiền Tử được biến hóa nói pháp như thế, có hai trăm Tỳ-kheo không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, trong chúng hội có hai trăm Tỳ-kheo trước đây đã chứng đắc trạng thái thiền thứ tư, các vị ấy khởi tăng thượng mạn cho rằng mình đạt thân sau cùng nên khinh thường người khác, liền đứng dậy bỏ đi và nói: “Các pháp được giảng nói ấy trái với tất cả thế gian. Chúng ta vốn đã được nghe giảng nói pháp tùy thuận, hôm nay chúng ta lại nghe giảng nói những điều chẳng phải pháp, chẳng phải Tỳ-ni, chẳng phải lời của bậc Đạo sư.”

Đại đức Phú-lâu-na nói:

–Lúc ấy, tôi liền nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: “Hai trăm Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi và nói: Các pháp được nói ra ấy trái với thế gian.”

Bồ-tát Văn-thù nói: “Thưa Đại đức Phú-lâu-na! Vì có nhân duyên mà việc thuyết pháp này trái với thế gian. Vì sao? Thưa Đại đức! Thế gian lệ thuộc vào các ấm, giới, nhập, cho nên những người ấy muốn rời bỏ sinh tử và hướng đến Niết-bàn, nhưng họ không biết được thật tánh của sinh tử vĩnh viễn không thể đạt được tức là Niết-bàn,

không biết trong đây chẳng có sinh tử cũng chẳng đến Niết-bàn. Chấp nhận sự không hiểu biết như vậy nên mới nói thế gian và sinh tử trái nghịch nhau. Lại chấp có bốn Đế trái với pháp này, mà trong Đế nhất nghĩa thì chẳng hề có bốn Đế, lại chẳng có đạo, chẳng có công đức. Những người cho trái nhau vì họ còn sự phân biệt. Nếu đã phân biệt thì liền có sự trái nhau. Đạo là bình đẳng nên tất cả các pháp bình đẳng, vì thế gọi là không phân biệt. Nếu hiểu rõ về không phân biệt thì không có trái nhau. Nếu chấp ngã thì có tăng thượng mạn, có tăng thượng mạn nên có trái nhau. Nếu không tạo tác trên, cũng không tạo tác dưới, sự trung đạo bình đẳng này không tạo tác trên dưới, không tạo tác cũng chẳng phải không tạo tác. Người như vậy gọi là không còn tăng thượng mạn, nếu không còn tăng thượng mạn nên không còn trái nhau. Như lời Phật dạy: Ta không tranh cãi với thế gian, chỉ có thế gian tranh cãi với ta. Vì sao? Vì Phật đã đoạn trừ những việc tranh cãi. Nguồn gốc của sự tranh cãi là gì? Đó là: thật hay không thật, chánh hay tà... Như lời Phật dạy, điều mà Bà-la-môn nói là thật. Ý Đại đức nghĩ sao? Là hư vọng chẳng chân thật? Là chánh hay tà? Hay là cả hai? Và dựa vào đâu mà Đại đức biết được điều đó?”

Bấy giờ, ở trước chỗ con đường hai trăm Tỳ-kheo bỏ đi ra, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biến hóa ra lửa cháy tràn lan, không thể nào đi qua được. Hai trăm Tỳ-kheo liền dùng thần lực để đi trên hư không, nhưng bên trên toàn lưới bằng sắt bao vây ngăn họ lại. Khi đó, các Tỳ-kheo ấy, trên thì bị lưới sắt, dưới thì bị lửa, không còn biết phương cách xoay sở, họ sợ hãi lông tóc dựng đứng. Họ chỉ thấy con đường đi đến rừng Kỳ-đà được trang trí bằng nhiều hoa sen và thấy nhiều người hướng về chỗ Đức Phật để được nghe nhận chánh pháp. Tất cả liền quay trở lại vườn hoa Ca-lợi-la trong rừng Kỳ-đà và hướng đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, các vị đảnh lễ ngang chân Phật rồi đứng qua một bên.

Đại đức Phú-lâu-na nói:

– Khi đó, tôi liền hỏi các Tỳ-kheo ấy: “Các ông đến chỗ nào và từ đâu đến?”

Các Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức Phú-lâu-na! Chúng tôi là những A-la-hán các lậu đã hết, thành tựu trạng thái thiền thứ tư, đầy đủ các thần thông. Chúng tôi nghe Bồ-tát Văn-thù nói pháp trái nhau nên bỏ đi, nhưng bị lửa lớn tràn lan ở cõi Phật này nên không thể đi qua được. Liền dùng thần lực để bay lên hư không nhưng lại bị lưới bằng sắt bao vây ngăn lại. Trên dưới đều bị lửa lớn, chúng tôi muốn thưa hỏi Đức Phật về đạo quả A-la-hán.”

Khi ấy, Đức Phật nói với tôi: “Này Phú-lâu-na! Nếu có lửa lớn mà tránh được, điều đó không thể có. Này Phú-lâu-na! Nếu đã rơi vào lưới kiến chấp mà có thể ra khỏi lưới sắt, điều đó không thể có. Này Phú-lâu-na! Nếu đã bị chìm vào nước ái dục mà có thể qua được thế giới của nước, điều đó cũng không thể có. Vì sao? Này Phú-lâu-na! Các Tỳ-kheo này chưa dập tắt được lửa tham, sân, si, vì thế nên họ không thể ra khỏi lửa. Này Phú-lâu-na! Các Tỳ-kheo này bị mắc trong lưới kiến chấp, vì vậy, họ không thể ra khỏi lưới sắt. Này Phú-lâu-na! Các Tỳ-kheo này bị chìm trong nước ái dục mà có thể vượt qua nước lớn, điều này không thể có. Này Phú-lâu-na! Nhưng lửa, lưới sắt và nước ấy vốn không có chỗ đến cũng không đi về đâu, chỉ nhờ thần lực của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên mới thấy được những điều ấy. Này Phú-lâu-na! Tham, sân, si, các kiến chấp, ái dục... các pháp ấy đều không từ đâu đến cũng không đi về đâu, chỉ từ điên đảo vọng tưởng, phân biệt, tham dục, phân biệt ta - người mà ra. Do vậy, sinh tử không có ngã cũng không có đối tượng thân thuộc. Nếu không có tâm tán loạn, phát khởi sự tu hành chân chánh, ở một nơi yên tĩnh trang nghiêm tu thiền. Nếu đạt thiền rồi sẽ không

kiêu mạn, không chấp thủ. Tâm định tĩnh thực hành quan sát các pháp: pháp nào là nhân, pháp nào là duyên... Quan sát như thế sẽ được thấy biết đúng như thật: Vô minh duyên hành... cho đến lo buồn, khổ sở nhóm họp. Như vậy được gọi là rời khỏi tà kiến.

Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt... cho đến lo buồn, khổ sở diệt. Đó gọi là chánh kiến, là quả vị chân chánh vô vi, không có vô minh đời quá khứ nào có thể diệt, không có vô minh đời hiện tại và vị lai nào có thể diệt. Nhưng suy nghĩ không chân chánh thì vô minh liền phát khởi. Nếu vô minh diệt thì tư duy không chân chánh chẳng sinh khởi. Nếu tư duy không chân chánh ấy diệt thì vô minh cũng diệt. Nếu vô minh diệt thì gọi là sự diệt hoàn toàn. Vì vậy, vô minh diệt thì các hành diệt. Nếu tư duy chân chánh thì quan sát biết đúng như thật. Thân bốn đại này si ám không hiểu biết, như cỏ cây gạch ngói, như bóng, như dợn nắng. Như ta đã giảng nói, thân này như vậy, tâm này như vậy, ý này như vậy, thức này như vậy, tâm này không có hình tướng, màu sắc, không thể nắm giữ, tâm giống như huyễn không thể diễn tả, không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, không thể nắm bắt được... Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu tư duy chân chánh như vậy thì được biết tất cả các pháp xưa nay vốn không sinh. Nếu các pháp không sinh tức là Đệ nhất nghĩa.”

Khi Đức Phật giảng nói pháp này, hai trăm Tỳ-kheo, nhiều người không chấp nhận pháp ấy, hoàn toàn diệt tận các lậu, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, Ni-kiền Tử Tát-già mất các đồ chúng, lo buồn không vui, ông đi đến chỗ Đức Thế Tôn nơi vườn Ca-lợi-la và khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Sau khi thăm hỏi Đức Phật, ông đứng qua một bên thưa: “Thưa Cù-đàm! Tôi luôn luôn nghe Sa-môn Cù-đàm dùng năng lực huyễn thuật để chiếm đoạt đồ chúng của người khác, đến nay tôi mới chính mắt nhìn thấy. Người đã sai khiến Văn-thù-sư-lợi phá hoại đồ chúng của tôi rồi đưa họ đến chỗ Phật, nghe nhận và làm theo pháp tà, không đến chỗ của tôi, không nghe lời dạy của tôi, tự ý muốn làm gì thì làm...”

Lúc ấy, có một ngoại đạo vừa xuất gia tên là Thắng Chí đang ngồi trong chúng hội liền dùng lời chân thật nói với Ni-kiền Tử: “Hãy ngưng lại, thưa Ni-kiền Tử! Đừng ở trước Đức Thế Tôn, đại chúng Tỳ-kheo và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi sinh tâm không cung kính, không nên để mất lợi ích, chịu khổ lâu dài và đừng nên ưa thích bị đọa vào đường ác. Xin Ni-kiền Tử Tát-già hãy nghe tôi nói ví dụ để lam rõ ý nghĩa này.

Ví như có người ngu si, không có trí tuệ, muốn xin váng sữa, cầm bình đi đến sông Hằng, múc nước rồi đi đến chỗ khác, khuấy nước mãi đến lúc mệt lả mà vẫn chẳng thấy váng sữa. Cũng vậy, thưa Ni-kiền Tử! Các ngoại đạo của người muốn tu hành đoạn trừ kết sử, thọ giới hơ đốt thân, oai nghi và các pháp đều là tà vạy nên không thể đoạn trừ được gì, cũng giống người múc nước sông Hằng ấy. Rồi lại ở trong pháp điều phục của Thế Tôn mà khởi tâm giận dữ, sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.”

Rồi lại nói tiếp: “Thưa Ni-kiền Tử! Như có một người thông minh trí tuệ muốn có váng sữa. Người ấy lấy loại sữa tốt rót vào bình rồi khuấy đều, chỉ dùng sữa rất ít nhưng được rất nhiều váng sữa, lại từ sinh tô chuyển thành thực tô. Cũng vậy, thưa Ni-kiền Tử! Những người tại gia, xuất gia trong chánh pháp của Đức Phật có đầy đủ niềm tin thanh tịnh, có nhiều đường hướng đến giải thoát, siêng năng tu tập tiến tới và nhanh chóng đạt được giải thoát, cũng như người trí vì muốn có được váng sữa mà rót sữa vào bình.

Lại nữa, thưa Ni-kiền Tử! Như có hai người, người này đập bể hàng trăm ngàn chiếc bình sành của người kia, sau đó, ban cho người kia những chiếc bình quý báu đẹp. Thưa Ni-kiền Tử! Ý ông nghĩ sao? Người này có làm tổn hại người kia không?”

Ni-kiên Tử đáp: “Không, thưa Thắng Chí.”

“Cũng vậy, thưa Ni-kiên Tử! Những đệ tử ngoại đạo như những chiếc bình sành của người kia, phá vỡ rồi liền hội nhập vào pháp của Như Lai, cũng như có được những chiếc bình quý báu, chỉ được tăng thêm chứ không có gì bị hao tổn. Lại nữa, thưa Ni-kiên Tử! Như có người lái buôn ngu si không biết phương cách xoay xở, đưa nhiều người vào con đường không đúng. Lại có một người lái buôn khác có trí tuệ lớn, thương yêu mọi người, hướng dẫn họ đi theo con đường đúng đắn. Cũng vậy, thưa Ni-kiên Tử! Các người cũng như người tự xưng là thầy kia, là người chẳng biết đường, là người dẫn chứng bất thiện, là người chẳng thấy con đường và không thể giảng nói về con đường đạo. Vì vậy, các người hướng dẫn chúng sinh vào con đường tà vạy. Hôm nay, Đức Thế Tôn như là vị lái buôn lớn, biết con đường thiện, thấy con đường và giảng nói về con đường, dẫn dắt các ngoại đạo đưa họ vào con đường chân chánh. Thưa Ni-kiên Tử! Đồ chúng của người tất cả đều ở đây, người hãy dẫn họ về.”

Khi ấy, một vạn hai ngàn người đều theo Ni-kiên Tử Tát-già trở về. Ngoài ra những người ở lại đều đạt được các minh.

Đức Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Hãy đến đây các Tỳ-kheo, các ông đều thành Sa-môn.”

Bấy giờ, Đức Phật hỏi ngoại đạo Thắng Chí: “Ông có thấy một vạn hai ngàn người bỏ đi theo Tát-già hay không?”

Thắng Chí đáp: “Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.”

Đức Phật nói: “Này Thắng Chí! Những vị ấy sẽ ở trong số chúng hội đầu tiên của Phật Di-lặc. Vì sao? Vì nhờ họ đã được nghe pháp sâu xa như vậy và đã cúng dường ta. Ni-kiên Tử Tát-già cũng sẽ là người có trí tuệ bậc nhất ở chỗ Đức Phật Di-lặc, giống như Xá-lợi-phất ở chỗ ta hiện nay. Vì sao? Vì ta biết vị ấy đã hiểu rõ về ngã, nhưng vì ngã mạn nên chưa bỏ kiến chấp được.”

Khi ấy, Thắng Chí thưa Bồ-tát Văn-thù: “Thưa Nhân giả! Đời mạt pháp sau này sẽ có nhiều Tỳ-kheo tăng thượng mạn.”

Bồ-tát Văn-thù nói: “Này thiện nam! Vào đời mạt pháp sau này, khi pháp gần diệt hết, những người tăng thượng mạn rất hiếm có. Vì sao? Vì không thể tu hành chứng đắc bốn Thiền, chứng đắc bốn Thiền rồi thường khởi lên tăng thượng mạn. Vào đời mạt pháp sau này, khi chánh pháp gần diệt hết, các Tỳ-kheo còn không thể trụ tâm được huống nữa là chứng đắc bốn Thiền. Vì vậy, này thiện nam! Vào đời mạt pháp sau này, những người tăng thượng mạn rất hiếm có. Lại nữa, này thiện nam! Có hai loại người tăng thượng mạn. Một là tin vào kiến chấp, hai là ngã mạn về thiền định. Người ngã mạn về thiền định nghĩa là vì lợi dưỡng và tiếng khen nên khởi lên tăng thượng mạn. Người tin vào kiến chấp chính là những người khởi lên tăng thượng mạn, chê bai pháp Phật. Người tăng thượng mạn sẽ bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.”

Thắng Chí thưa: “Thưa Nhân giả! Phải làm thế nào để biết được tâm của người nào đó có tăng thượng mạn hay không?”

Bồ-tát Văn-thù đáp: “Những người phàm phu muốn đạt Niết-bàn mà thật sự chẳng phải là A-la-hán, nếu nghe giảng nói pháp này, họ sẽ lo sợ, kinh hãi, nên biết, những người phàm phu ấy là những người có tâm tăng thượng mạn, chẳng phải là các A-la-hán thật sự của Đức Như Lai. Nếu nghe pháp từ người khác mà lo sợ, kinh hãi, nên biết, đó chính là những kẻ phàm phu, là người tăng thượng mạn, chẳng phải là A-la-hán. Những người ấy có thể báo đáp thanh tịnh các đối tượng thi ân nhưng không phải là A-la-hán.

Nếu dứt sạch tất cả các kết sử phiền não, người ấy không còn đối tượng nương tựa, là ruộng phước của thế gian. Nếu còn tất cả các kết sử phiền não tức còn đối tượng nương tựa, chẳng phải là ruộng phước của thế gian, nếu ở trong đây, nên biết, đó là người tăng thượng mạn. Tất cả các pháp đều thể nhập Niết-bàn, nếu quan sát, phân biệt về Niết-bàn, nên biết, đó là người tăng thượng mạn. Tất cả các pháp là không nên biết, không nên đoán, không nên chứng, không nên tu... Nếu không biết sự thấy ấy, nên biết, đó gọi là người tăng thượng mạn.”

Thắng Chí hỏi: “Thưa Nhân giả! Nếu người không tăng thượng mạn thì có hình tướng ấn chứng nào không?”

Bồ-tát Văn-thù nói: “Không trái, không hoại diệt, đó là hình tướng ấn chứng của người không tăng thượng mạn. Vì sao? Vì không có âm thanh nào có thể gây cho người này sự sợ hãi, họ giống như sư tử chúa. Tất cả các âm thanh đều không thể khiến người ấy sợ hãi, Tỳ-kheo không tăng thượng mạn cũng vậy, nghe các âm thanh không hề sợ hãi. Vì sao? Vì người ấy biết rõ âm thanh giống như tiếng vọng. Như tiếng vọng ấy không có tâm, ý, thức mà có âm thanh. Biết về tâm, ý và thức đúng như thật như vậy. Tất cả các âm thanh đều do duyên mà khởi lên, không hề chân thật. Biết như vậy rồi thì biết không pháp nào có một tên nhất định là âm thanh. Nghe âm thanh Phật không ham thích, nghe tiếng của ngoại đạo cũng không chê bai, nghe pháp thiện thanh tịnh tâm không ham thích, nghe pháp nhiễm ô cũng không ghét bỏ. Khéo léo biết rõ tận cùng trước sau của tất cả các âm thanh. Tướng ấn chứng như vậy là không tăng thượng mạn, là ấn chứng không có cao thấp, ấn chứng đúng như thật, ấn chứng con đường tri kiến chân chánh, ấn chứng thể nhập vào nhất đạo, ấn chứng hội nhập pháp giới bình đẳng, ấn chứng như không thể hủy hoại, ấn chứng không trái với như, ấn chứng an trú trong chân thật, ấn chứng Đệ nhất nghĩa không, ấn chứng ba đời đều bình đẳng, ấn chứng không có sự sinh khởi ban đầu, ấn chứng quan sát về tánh của chánh pháp... Các ấn chứng tất cả các pháp như vậy. Tỳ-kheo như thế gọi là không tranh cãi, nghe rồi liền được vô ngại, không lo, không sợ, không kinh, không hãi, không chấp ngã, không chấp vào pháp, tất cả đều bình đẳng...”

Bấy giờ, ngoại đạo Thắng Chí thưa: “Thưa Thế Tôn! Hôm nay, từ chỗ của bậc tri thức thiện, con được nghe đạo chân chánh và công đức của Đại thừa. Bạch Thế Tôn! Hôm nay, từ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, được nghe thuyết giảng pháp này, con xin phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Kính xin Thế Tôn giảng nói pháp ứng hợp để khiến con được nghe rồi liền nhanh chóng tu tập pháp hỗ trợ Bồ-đề, nhanh chóng đạt đạo Chánh chân Vô thượng, vì khắp tất cả vô lượng, vô số các chúng sinh.”

Đức Phật nói: “Này Thắng Chí! Bồ-tát có hai pháp nhanh chóng thông đạt đầy đủ Đại thừa. Hai pháp ấy là gì? Đó là tinh tấn và không buông lung.

Trong đó, tinh tấn nghĩa là đúng như pháp mà đạt được của cải, thì đều xả bỏ tất cả. Không buông lung nghĩa là bố thí không mong được đền đáp, tất cả đều hồi hướng về Nhất thiết trí.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là chân chánh đoạn trừ tất cả các pháp ác bất thiện, thành tựu viên mãn đầy đủ tất cả các pháp thiện. Không buông lung nghĩa là kiên cố giữ gìn giới thanh tịnh, không phải vì phước báo đời sau mà tất cả đều hồi hướng về đạo Vô thượng.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là tu hành nhẫn nhục, không tiếc thân mạng. Không buông

lung nghĩa là không có tâm làm hại đến các chúng sinh.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là chứa nhóm các pháp thiện không biết nhàm chán. Không buông lung nghĩa là chứa nhóm các pháp thiện, hồi hướng về đạo Vô thượng.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là tâm không nhàm chán đối với các thiền chi. Không buông lung nghĩa là không tham đắm thiền vị đối với các thiền chi.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là chứa nhóm những sự học rộng không thấy nhàm chán. Không buông lung nghĩa là chánh niệm, tu hành trí tuệ của bậc Thánh.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là không bỏ bốn Nhiếp pháp. Không buông lung nghĩa là không được để thân tâm rời xa chánh pháp.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là có tâm Từ bình đẳng duyên nơi tất cả chúng sinh. Không buông lung nghĩa là không được vin dựa theo pháp từ của chúng sinh.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là dạy cho chúng sinh phát tâm cầu Nhất thiết trí. Không buông lung nghĩa là quan sát tất cả các pháp đều như huyễn, nhưng không bao giờ rời bỏ tâm cầu Nhất thiết trí.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là phát khởi ba minh. Không buông lung nghĩa là giữ gìn không để rơi vào các lậu.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là tu tập Thánh đế siêng năng như bị lửa đang thiêu cháy trên đầu. Không buông lung nghĩa là không tùy theo sự chứng đắc mà diệt độ.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là vì để làm viên mãn các tướng mà chứa nhóm điều thiện không thấy mỏi mệt. Không buông lung nghĩa là quan sát Pháp thân.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là tu hành, làm thanh tịnh cõi Phật. Không buông lung nghĩa là làm thanh tịnh cõi chúng sinh.

Lại nữa, tinh tấn nghĩa là chứa nhóm ba mươi bảy pháp hỗ trợ Bồ-đề. Không buông lung nghĩa là an trú trong pháp giải thoát tịch tĩnh...

Thắng Chí nên biết! Bồ-tát có được các nghiệp thiện, phương tiện là đều do tinh tấn mà được thành tựu. Bồ-tát có được hạnh nghiệp Nhất thiết trí là do không buông lung mà thành tựu. Cho nên, ta nói Bồ-tát thành tựu trí tuệ và phương tiện, không sợ hãi, không thoái chuyển đối với đạo Chánh chân Vô thượng."

Khi Phật giảng nói pháp ấy, ngoại đạo Thắng Chí đạt được pháp Nhẫn vô sinh, tâm thanh tịnh và vô cùng hoan hỷ, bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la. Tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp nơi, âm nhạc cõi trời không tấu mà tự trở lên, trời rưới mưa hoa.

Bấy giờ, biết được tâm của Thắng Chí, Đức Thế Tôn liền mỉm cười. Theo pháp thường lệ, khi chư Phật mỉm cười, từ nơi khuôn mặt có vô số trăm ngàn ánh sáng rực rỡ nhiều màu sắc, chiếu đến khắp vô lượng, vô biên thế giới, lên đến cõi Phạm thiên, ngăn ngại cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng, che lấp mất cung điện của ma, rồi trở lại, nhiều quanh bên phải thân Phật trăm ngàn vòng và nhập vào nơi đỉnh đầu.

Khi ấy, Đại đức A-nan, nương nơi thần lực của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, gối phải quỳ xuống đất, hướng về Đức Phật, chấp tay nói kệ:

*Hoa phước đức, trí tuệ
Ánh sáng hướng dẫn đời
Hoa ba mươi hai tướng
Các vẻ đẹp trang nghiêm.
Đi như sư tử chúa
Lực tinh tấn mạnh mẽ*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Vì sao Phật mỉm cười
Kính xin Phật giảng nói.
Lời Phật như tiếng sấm
Tiếng Phật: Sư tử gầm
Tiếng Ca-lăng-tần-già
Nghe thanh tịnh dịu êm.
Tiếng tam thiên thế giới
Chư Thiên và loài người
Muốn so với tiếng Phật
Tính toán không thể được.
Trí Thanh văn, Duyên giác
Và trí các Bồ-tát
Không thể sánh bằng Phật
Không biết Nhất thiết trí.
Kính xin Phật giảng nói
Vì sao lại mỉm cười?
Trời, Người, Rồng, Tu-la
Nghe đều đạt Bồ-đề.
Tâm được lìa hai bên
Cũng không chấp ở giữa
Tất cả đều không chấp
Bình đẳng như hư không.
Hết thấy không thể đến
Vượt trên mọi thế gian
Thưa Bạc Trí hư không
Vì sao Phật mỉm cười?
Ánh sáng xanh, vàng ròng
Màu hồng, tím, đỏ, trắng
Từ mặt sáng rực rỡ
Nhiều như cát sông Hằng.
Chiếu khắp vô số cõi
Rộng rãi như hư không
Diệt đường ác, được vui
Nhờ ánh sáng Phật soi.
Phóng ánh sáng đầu gối
Là thọ ký Thanh văn
Phóng ánh sáng nơi tay
Nói về Bích-chi-phật.
Phật thọ ký Đại thừa
Đạo Nhất thiết trí tuệ
Ánh sáng lợi chúng sinh
Rồi nhập vào đỉnh đầu.
Lành thay Đức Thế Tôn!
Bạc Ứng Cúng ba cõi
Xin như thật giảng bày

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Diễn nói cho đại chúng.

Dứt trừ nghi, được vui

Vì sao Phật mỉm cười?

Ngàn vạn ức chúng sinh

Nghe rồi tâm hoan hỷ.

Nghe kệ thỉnh mời như vậy xong, Đức Phật hỏi:

–Này A-nan! Ông có thấy thiện nam Thắng Chí, người bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, đạt được pháp Nhẫn vô sinh, chấp tay đánh lễ ta và được trăm ngàn chư Thiên cúng dường hay không?

Đại đức A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Thiện nam Thắng Chí này đã từng ở chỗ bảy mươi hai ức Đức Phật, trông các căn lành, thực hành đạo Bồ-tát, tu tập đạo Chánh chân Vô thượng.

Thuở đó, Thắng Chí thường làm vua Đại chuyển luân, cung kính cúng dường tôn trọng ngợi khen các Đức Như Lai ấy, luôn tu hành phạm hạnh, ủng hộ, thọ trì tất cả các pháp của chư Phật ấy.

Này A-nan! Từ đây về sau, thiện nam Thắng Chí cũng sẽ luôn gặp vô lượng, vô số Đức Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, luôn tu hành phạm hạnh, khiến cho vô lượng, vô số chúng sinh ở trong đạo Bồ-đề. Sau vô lượng, vô số kiếp, chừa nhóm đạo Bồ-đề rồi, sẽ đạt đạo Chánh chân Vô thượng, thành Bạc Tối Chánh Giác, hiệu là Trí Quang Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời, nước tên là Hỷ kiến, kiếp tên là Nhất bảo nghiêm.

Này A-nan! Những đồ dùng của nước Hỷ kiến ấy giống như trong cõi trời Tha hóa tự tại. Chúng sinh ở nước ấy không tham đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không ai có các hình tướng xấu, mọi người đều cung kính nhau, hoan hỷ, vui vẻ. Tất cả chúng sinh đều đến gặp Đức Phật Trí Quang Vương, thậm chí trong mộng cũng luôn được thấy Phật, không rời sự niệm Phật. Vì vậy, nước ấy mới có tên là Hỷ kiến. Trong kiếp ấy chỉ có một Đức Như Lai làm các Phật sự. Phật và chúng sinh đều sống thọ một kiếp. Vì thế, kiếp ấy được gọi là Nhất bảo nghiêm.

Này A-nan! Phật Trí Quang Vương ấy có chúng đệ tử toàn là Bồ-tát chín mươi hai ức vị đều là những vị của pháp hội buổi đầu, đạt tâm không thoái chuyển. Khi Như Lai Trí Quang Vương sắp vào Niết-bàn, Ngài sẽ thọ ký cho Bồ-tát Sư Tử Tấn Khứ sẽ thành Phật hiệu là Sư Tử Tướng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, sống thọ mười trung kiếp, sau đó mới Niết-bàn và Tăng chúng cũng sẽ gồm vô lượng, vô biên các Bồ-tát.

Khi Phật Trí Quang Vương Niết-bàn, xá-lợi toàn thân Ngài được thờ trong một tòa tháp báu rộng sáu mươi do-tuần, cao tám mươi do-tuần, tháp được trang trí bằng nhiều châu báu.

Bấy giờ, Bồ-tát Thắng Chí từ hư không đi xuống, đánh lễ ngang chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải bảy vòng, hướng về Đức Phật khen ngợi bằng cách nói kệ Pháp giới bất hoại:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Cõi Sắc và pháp giới
Cõi chúng sinh đồng nhau
Cõi ấy bằng cõi trí
Nay thọ ký cho con.
Cõi thọ, cõi phiền não
Cũng như cõi hư không
Các pháp đồng cảnh giới
Hôm nay con đến đây.
Pháp giới và cõi Dục
Và cùng với ba cõi
Cũng đồng như hư không
Sự thọ ký cũng vậy.
Cõi sinh tử, Niết-bàn
Cũng đồng như pháp giới
Cõi này và cõi nước
Cõi đất, cõi gió, lửa.
Cõi các ấm, các nhập
Cõi mắt, cõi nhãn thức
Cõi ý và pháp giới
Cảnh giới đều đồng đẳng.
Không thọ ký các ấm
Giới và nhập của con
Không thọ ký danh, sắc
Không thọ ký trong, ngoài.
Nhờ âm thanh mà biết
Đạo sư thọ ký con
Âm thanh là tịch tĩnh
Phật không có tâm ý.
Thực hành tâm thọ ký
Con cũng không có thức
Để được nhận thọ ký
Như con, Phật cũng vậy.
Như Phật con cũng vậy
Các chúng sinh cũng thế
Thọ ký - nhận: Đều vậy
Thọ ký là chân thật.
Như Như đều rời bỏ
Không hủy hoại pháp giới
Trụ tận cùng chân thật
Con kính lễ Thế Tôn.
Đồng vào tất cả pháp
Như hư không vô vi
Biết rõ các phương tiện.*

Khi ấy, nói kệ khen ngợi Đức Phật xong, Bồ-tát Thắng Chí đánh lễ ngang chân Phật, đi nhiều quanh bên phải bảy vòng rồi ngồi qua một bên.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lúc đó, Đức Phật bảo:

–Này A-nan! Ông nên thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này và ở giữa đại chúng giảng nói rộng rãi.

Đại đức A-nan thưa:

–Thưa Thế Tôn! Con xin thọ trì. Kinh này tên là gì và phải phụng giữ như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Kinh này tên là Văn-thù-sư-lợi Thần Thông Sở Trì, còn gọi là Diệt Trừ Nhất Thiết Chư Ma Ngoại Đạo Âm Thanh, cũng có tên là Thái Bảo, hoặc là Bảo Khiếp, hãy như vậy mà thọ trì.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Thắng Chí, Đại đức A-nan và các đại chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, loài Người và Càn-thát-bà... nghe lời Phật dạy đều vô cùng hoan hỷ.

